

MAI ĐĂNG TUẤN

YÊU CẦU KỸ THUẬT
VỀ CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT PHỤ TÙNG CHO HỆ THỐNG KHÍ Y TẾ VÀ BUỒNG
ĐIỀU TRỊ OXY CAO ÁP, NĂM 2027
ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ
НА ПОСТАВКУ И МОНТАЖ ЗАПАСНЫХ ЧАСТЕЙ ДЛЯ СИСТЕМЫ
МЕДИЦИНСКОГО ГАЗОСНАБЖЕНИЯ И БАРОКАМЕРЫ ГИПЕРБАРИЧЕСКОЙ
ОКСИГЕНАЦИИ, 2027 ГОД

1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG:

НАЗНАЧЕНИЕ И ОБЛАСТЬ ПРИМЕНЕНИЯ:

- 1.1. Mục đích sử dụng: Cung cấp và lắp đặt phụ tùng định kỳ cho các thiết bị Hệ thống khí y tế (khí nén trung tâm và khí hút) đã khoảng 15 năm hoạt động; phụ tùng cho Buồng điều trị oxy cao áp; nhằm duy trì tình trạng hoạt động ổn định của thiết bị, phục vụ công tác khám sức khỏe, khám chữa bệnh, cấp cứu của Trung tâm Y tế Vietsovpetro.

Назначение: поставка и плановый монтаж запасных частей для оборудования системы медицинского газоснабжения (центральной системы сжатого воздуха и вакуумной системы), эксплуатируемого около 15 лет, а также запасных частей для барокамеры гипербарической оксигенации с целью поддержания стабильной работы оборудования для проведения медицинских осмотров, оказания лечебно-диагностической и экстренной медицинской помощи в ЦМО «Вьетсовпетро».

- 1.2. Điều kiện môi trường sử dụng:

Условия окружающей среды при эксплуатации:

- Nhiệt độ: Từ 30°C đến 45°C

Температура: от 30°C до 45°C

- Độ ẩm tương đối lên đến 80 %.

Относительная влажность: до 80%.

2. ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT SỬ DỤNG PHỤ TÙNG:

ТЕХНИЧЕСКИЕ УСЛОВИЯ ЭКСПЛУАТАЦИИ ЗАПАСНЫХ ЧАСТЕЙ:

- Nơi sử dụng: Hệ thống khí y tế trung tâm.

Место эксплуатации: центральная система медицинского газоснабжения.

3. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI NHÀ THẦU:

ОБЩИЕ ТРЕБОВАНИЯ К ПОДРЯДЧИКУ:

- 3.1. Nhà thầu phải có giấy phép kinh doanh; phải là đại diện của nhà sản xuất tại Việt Nam hoặc ủy quyền hợp pháp của nhà phân phối hoặc có kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp phụ tùng của thiết bị y tế/ phụ tùng chào cung cấp. *(Trong hồ sơ dự thầu Nhà thầu phải cung cấp bản sao các hợp đồng và gói thầu tương tự để chứng minh năng lực).*

Подрядчик должен иметь лицензию/регистрацию на ведение деятельности; являться представителем производителя во Вьетнаме, иметь законные полномочия от дистрибьютора либо опыт поставки запасных частей для медицинского оборудования/предлагаемых запасных частей. (В составе тендерного предложения подрядчик должен предоставить копии аналогичных договоров и пакетов закупок для подтверждения своей квалификации.)

- 3.2. Nhân viên thực hiện lắp đặt phải có hợp đồng với nhà thầu hoặc hợp đồng với nhà sản xuất/ đại lý phân phối chính hãng; có chứng chỉ đào tạo về các thiết bị chào cung cấp phụ tùng hoặc có kinh nghiệm về bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị tương tự *(Trong hồ sơ dự thầu Nhà thầu phải cung cấp bản sao hợp đồng lao động; bản sao các chứng chỉ, đối chiếu bản gốc khi có yêu cầu của TTYT).*

Специалисты, выполняющие монтаж, должны состоять в договорных отношениях с подрядчиком либо с производителем/официальным дистрибьютором; иметь сертификаты обучения по оборудованию, для которого предлагаются запасные части, либо опыт технического обслуживания и ремонта аналогичного оборудования. (В составе тендерного предложения подрядчик должен предоставить копии трудовых договоров и сертификатов; оригиналы предъявляются для сверки по требованию ЦМО.)

4. YÊU CẦU ĐỐI VỚI PHỤ TÙNG CUNG CẤP:

ТРЕБОВАНИЯ К ПОСТАВЛЯЕМЫМ ЗАПАСНЫМ ЧАСТЯМ:

- 4.1. Các phụ tùng phải là hàng mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đóng gói theo đúng quy định của nhà sản xuất và phải tương thích với thiết bị của TTYT. *Запасные части должны быть на 100% новыми, не бывшими в эксплуатации, иметь четко установленное происхождение, быть упакованы в соответствии с требованиями производителя и совместимы с оборудованием ЦМО.*

- 4.2. Trong hồ sơ đề xuất nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin kỹ thuật và các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh như: thông tin sản phẩm (catalogue, brochure), dữ liệu kỹ thuật...dưới dạng văn bản phù hợp cho từng nội dung yêu cầu kỹ thuật của từng mặt hàng dự thầu. *В составе предложения подрядчик должен предоставить полную техническую информацию и подтверждающие технические документы, включая сведения о продукции (каталог, брошюра), технические данные и т. п., в письменной форме по каждому требованию и каждой предлагаемой позиции.*

- 4.3. Nhà thầu phải có cam kết: “Thu hồi hoặc trả đổi hàng trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi sản phẩm của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không phải do lỗi của bên mời thầu”.

Подрядчик должен предоставить обязательство: «Отозвать либо заменить поставленный товар, если он не соответствует требованиям качества или имеется уведомление компетентного органа об отзыве продукции, при условии что причина не связана с действиями заказчика».

- 4.4. Bảng danh mục hàng hóa chào về kỹ thuật phải có các nội dung sau: Số thứ tự của hàng hóa dự thầu, Số thứ tự trong HSMT, tên hàng hóa trong HSMT, Tên hàng hóa dự thầu, Đơn vị tính, Quy cách, ký mã hiệu sản phẩm, hãng sản xuất, nước sản xuất, số lượng, tính năng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu.

Техническая таблица предлагаемого товара должна содержать: порядковый номер предлагаемой позиции, номер позиции в тендерной документации, наименование товара по тендерной документации, наименование предлагаемого товара, единицу измерения, спецификацию, марку/модель продукции, производителя, страну производства, количество и технические характеристики предлагаемого товара.

- 4.5. Thời gian bảo hành: **chi tiết theo danh mục 6.2** (được tính kể từ ngày hoàn thành giao nhận hàng hóa, nghiệm thu lắp đặt).

Гарантийный срок: согласно перечню в п. 6.2 (исчисляется с даты завершения приемки-передачи товара и приемки монтажных работ).

5. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÔNG TÁC LẮP ĐẶT PHỤ TÙNG:

ТРЕБОВАНИЯ К МОНТАЖУ ЗАПАСНЫХ ЧАСТЕЙ:

- 5.1. Nhân viên tiến hành lắp đặt các phụ tùng nói trên phải có tên trong hồ sơ chào thầu. Trong trường hợp có thay đổi về nhân sự, nhà thầu phải có văn bản và bổ sung hồ sơ để chứng minh năng lực của nhân viên kỹ thuật, để TTYT có kế hoạch phối hợp.

Специалисты, выполняющие монтаж указанных запасных частей, должны быть указаны в тендерном предложении. При изменении персонала подрядчик обязан направить письменное уведомление и предоставить дополнительные документы, подтверждающие квалификацию технического специалиста, чтобы ЦМО могло организовать взаимодействие.

- 5.2. Đối với hàng hóa của nhóm I và nhóm III: sau khi giao hàng, bàn giao các phụ tùng, nhà thầu thực hiện công tác lắp đặt.

Для товаров групп I и III: после поставки и передачи запасных частей подрядчик выполняет монтажные работы.

- 5.3. Đối với hàng hóa của nhóm IV: Nhà thầu thực hiện lắp đặt khi có yêu cầu của Trung tâm y tế (TTYT sẽ gửi thư thông báo đến nhà thầu trước 02 ngày để nhà thầu làm căn cứ triển khai).

Для товаров группы IV: подрядчик выполняет монтаж по требованию Центра медицинского обеспечения (ЦМО направляет подрядчику уведомление за 02 дня до выполнения работ в качестве основания для их проведения).

- 5.4. Nhà thầu cung cấp lắp đặt các phụ tùng cho thiết bị chào cung cấp chịu trách nhiệm với vật tư, phụ tùng mà nhà thầu cung cấp và thiết bị sau khi thay thế phụ tùng phải hoạt động an toàn, ổn định.

Подрядчик, поставляющий и устанавливающий запасные части, несет ответственность

за поставленные материалы и запасные части; после их замены оборудование должно работать безопасно и стабильно.

- 5.5. Trong thời gian bảo hành, nếu có sự cố do phụ tùng đã thay thế không đảm bảo chất lượng dẫn đến máy ngừng hoạt động hoặc hoạt động không ổn định, trong vòng tối đa 48h, nhà thầu phải có trách nhiệm kiểm tra và chịu mọi chi phí thay thế phụ tùng đó để máy đi vào hoạt động ổn định, đảm bảo chất lượng. Nhà thầu phải bảo hành lại theo thời gian bảo hành được quy định Mục 6.2, được tính từ ngày bàn giao/ nghiệm thu lắp đặt, thiết bị hoạt động.

В течение гарантийного срока, если из-за ненадлежащего качества замененной запасной части оборудование остановилось или работает нестабильно, подрядчик обязан не позднее чем в течение 48 часов провести проверку и за свой счет заменить такую запасную часть, обеспечив стабильную и качественную работу оборудования. Гарантия на замененную запасную часть предоставляется заново на срок, установленный в п. 6.2, с даты передачи/приемки монтажа и ввода оборудования в работу.

6. YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI VẬT TƯ/ PHỤ TÙNG:

ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ К МАТЕРИАЛАМ/ЗАПАСНЫМ ЧАСТЯМ:

- 6.1. **Số lượng hàng hóa:** theo bảng số lượng chi tiết đính kèm

Количество товара: согласно прилагаемой подробной таблице количества.

- 6.2. **Yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa:**

Технические требования к товару:

STT n/n	Tên vật tư <i>Наименование материалов</i>	Ký mã hiệu/ Thông số kỹ thuật <i>Марка / Технические характеристики</i>	Thời gian bảo hành <i>Гарантийн ый срок</i>	Ghi chú <i>Примечан ие</i>
Nhóm I: Nhóm phụ tùng cho Máy nén khí y tế trung tâm Группа I: Запасные части для центральной компрессорной установки медицинского воздуха Model: C7, hãng - nước sản xuất: Boge – Đức. Модель: C7, производитель/страна производства: Boge – Германия. Bao gồm cung cấp, lắp đặt các vật tư/phụ tùng sau: Включает поставку и монтаж следующих материалов/запасных частей:				
1.	Bộ bảo dưỡng 3000 giờ (Cairpac 3000) cho dầu nén khí <i>Комплект ТО на 3000 часов (Cairpac 3000) для компрессорного блока</i>	2900001867P hoặc tương đương <i>2900001867P или эквивалент</i>	Bảo hành tối thiểu 12 tháng hoặc theo quy định của nhà sản xuất <i>Гарантия не менее 12 месяцев или согласно условиям производит еля</i>	
2.	Cảm biến áp suất <i>Датчик давления</i> Pressure transmitter	635007901P hoặc tương đương <i>635007901P или эквивалент</i>		
3.	Cảm biến nhiệt độ <i>Датчик температуры</i> Temperature sensor	639002802P hoặc tương đương <i>639002802P или эквивалент</i>		
4.	Van điện từ <i>Электромагнитный клапан</i> Solenoid valve	644013105P hoặc tương đương <i>644013105P или эквивалент</i>		
5.	Bộ bạc đạn động cơ	SKF hoặc tương đương		1 bộ gồm 2

STT n/n	Tên vật tư <i>Наименование материалов</i>	Ký mã hiệu/ Thông số kỹ thuật <i>Марка / Технические характеристики</i>	Thời gian bảo hành <i>Гарантийный срок</i>	Ghi chú <i>Примечание</i>
	<i>Комплект подшипников двигателя</i> Motor bearing	<i>SKF или эквивалент</i>		cái 1 <i>комплект состоит из 2 шт.</i>
6.	Két giải nhiệt <i>Комбинированный охладитель</i> Combi cooler	224031401P hoặc tương đương <i>224031401P или эквивалент</i>		
7.	Dầu bôi trơn <i>Смазочное масло</i> Oil lubricated	BOGE CoolPlus S (20 lít), 599033900P hoặc tương đương <i>BOGE CoolPlus S (20 л), 599033900P или эквивалент</i>		Thùng/ can = 20 lít <i>Канистра = 20 л</i>

Nhóm II: Nhóm phụ tùng cho Máy hút chân không trung tâm

Группа II: Запасные части для центральной вакуумной установки

Model: Vacuum, hãng - nước sản xuất: Busch – Thụy sỹ.

Модель: Vacuum, производитель/страна производства: Busch – Швейцария.

Bao gồm cung cấp, lắp đặt các vật tư/phụ tùng sau:

Включает поставку и монтаж следующих материалов/запасных частей:

8.	Dầu cho máy hút <i>Масло для вакуумного насоса</i>	VM 100 (ISO VG 100) hoặc tương đương <i>VM 100 (ISO VG 100) или эквивалент</i>	Bảo hành tối thiểu 12 tháng hoặc theo quy định của nhà sản xuất <i>Гарантия не менее 12 месяцев или согласно условиям производит еля</i>	Thùng/ can = 5 lít <i>Канистра = 5 л</i>
----	---	--	--	--

Nhóm III: Nhóm phụ tùng cho Bồn oxy lỏng

Группа III: Запасные части для резервуара жидкого кислорода

Model: C6, hãng - nước sản xuất: Cryolor – Pháp, Ấn Độ.

Модель: C6, производитель/страна производства: Cryolor – Франция, Индия.

Bao gồm cung cấp, lắp đặt các vật tư/phụ tùng sau:

Включает поставку и монтаж следующих материалов/запасных частей:

9.	Bộ kit thay thế cho bộ điều áp sau bộ hóa hơi 250 m ³ / giờ <i>Ремкомплект регулятора давления после испарителя 250 м³/ч</i>	Phụ kiện bộ điều áp RP 3/4B, A0000328 hoặc tương đương <i>Комплектующие регулятора давления RP 3/4B, A0000328 или эквивалент</i>	Bảo hành tối thiểu 6 tháng hoặc theo quy định của nhà sản xuất <i>Гарантия не менее 6</i>	
----	--	--	--	--

STT n/n	Tên vật tư <i>Наименование материалов</i>	Ký mã hiệu/ Thông số kỹ thuật <i>Марка / Технические характеристики</i>	Thời gian bảo hành <i>Гарантийный срок</i>	Ghi chú <i>Примечание</i>
			<i>месяцев или согласно условиям производства</i>	
Nhóm IV: Nhóm phụ tùng cho Buồng điều trị oxy cao áp Группа IV: Запасные части для барокамеры гипербарической оксигенации Model: Sigma 36, hãng - nước sản xuất: Perry – Mỹ. Модель: Sigma 36, производитель/страна производства: Perry – США. Bao gồm cung cấp, lắp đặt các vật tư/ phụ tùng sau: Включает поставку и монтаж следующих материалов/запасных частей:				
10.	Gioăng cao su cửa <i>Резиновое уплотнение двери</i>	B-903724 hoặc tương đương <i>B-903724 или эквивалент</i>	Bảo hành tối thiểu 6 tháng hoặc theo quy định của nhà sản xuất <i>Гарантия не менее 6 месяцев или согласно условиям производства</i>	
11.	Van điều hướng oxy <i>Переключающий клапан подачи кислорода</i>	M-668KRV hoặc tương đương <i>M-668KRV или эквивалент</i>		
12.	Bộ tiêu âm <i>Комплект глушителя</i>	P-2937 hoặc tương đương <i>P-2937 или эквивалент</i>		
13.	Mỡ Halocabon <i>Смазка Halocabon</i>	28I,2 hoặc M-064B-2 hoặc tương đương <i>28I,2 или M-064B-2, или эквивалент</i>		
14.	Bột Talc <i>Тальк</i>	M-3320A hoặc tương đương <i>M-3320A или эквивалент</i>		

6.3. Thời gian giao hàng: Giao hàng một lần, **tối đa 60 ngày** kể từ ngày ký hợp đồng.

Срок поставки: однократная поставка, не более 60 дней с даты подписания договора.

6.4. Địa điểm giao hàng và trả bảo hành: TT Y tế Vietsovpetro, số 02, Pasteur, P.Tam Thắng, Tp. HCM.

Место поставки и возврата по гарантии: ЦМО «Вьетсовпетро», ул. Пастер, 02, квартал Там Тханг, г. Хошимин.

Lưu ý:

Примечание:

- Khái niệm "tương đương": là có các đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng tương tự đối với kỹ thuật, hàng hóa nêu trên.

Понятие «эквивалент»: означает наличие технических характеристик и эксплуатационных свойств, аналогичных указанным выше товарам.

- Việc cung cấp và lắp đặt phụ tùng sẽ được thực hiện tại TTYT.

Поставка и монтаж запасных частей будут выполняться в ЦМО.

- Nhà thầu được phép khảo sát các thiết bị trước khi tham gia chào cung cấp.
Подрядчику разрешается осмотреть оборудование до подачи предложения.
- Các phụ tùng thuộc tài sản của TTYT, sau khi thay thế phải bàn giao lại cho TTYT.
Снятые запасные части являются имуществом ЦМО и после замены должны быть переданы обратно ЦМО.
- Nhà thầu tham gia chào cung cấp phụ tùng cho nhóm nào phải chào toàn bộ các mục và số lượng trong nhóm đó.

Подрядчик, подающий предложение по определенной группе запасных частей, должен предложить все позиции и количество в этой группе.

7. YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI HÀNG VÀ TÀI LIỆU KÈM THEO:

ТРЕБОВАНИЯ К УПАКОВКЕ ТОВАРА И СОПРОВОДИТЕЛЬНЫМ ДОКУМЕНТАМ:

- Vật tư phải được đóng gói theo đúng qui định của nhà sản xuất, không rách nát ẩm ướt, trên nhãn có ghi nơi sản xuất, hãng sản xuất.
Материалы должны быть упакованы в соответствии с требованиями производителя; упаковка не должна быть поврежденной или влажной; на этикетке должны быть указаны место производства и производитель.

8. GIÚP ĐỖ KỸ THUẬT CỦA NHÀ THẦU:

ТЕХНИЧЕСКАЯ ПОДДЕРЖКА ПОДРЯДЧИКА:

- Hỗ trợ xử lý các vấn đề liên quan đến phụ tùng sau khi lắp đặt, bảo hành và sau khi thay thế vào các thiết bị, linh kiện thay thế phải đảm bảo tương thích với máy.
Подрядчик оказывает поддержку в решении вопросов, связанных с запасными частями после монтажа, в гарантийный период и после их установки в оборудование; заменяемые компоненты должны быть совместимы с оборудованием.

9. YÊU CẦU VỀ CÁC CHỨNG CHỈ HÀNG HÓA KHI GIAO HÀNG:

ТРЕБОВАНИЯ К СЕРТИФИКАТАМ НА ТОВАР ПРИ ПОСТАВКЕ:

- Đối với nhóm I, III, IV:
Для групп I, III и IV:
 - Cung cấp chứng chỉ xuất xứ (CO) do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp hoặc giấy tờ tương đương: Bản chính hoặc bản sao y công chứng hoặc bản sao có xác nhận của nhà cung cấp hoặc bản điện tử kèm theo thông tin để kiểm chứng.
Предоставить сертификат происхождения (CO), выданный компетентным органом страны производства или страны-экспортера, либо эквивалентный документ: оригинал, нотариально заверенную копию, копию, заверенную поставщиком, либо электронный документ с информацией для проверки.
 - Cung cấp chứng chỉ chất lượng (CQ/ CQQ) của Nhà sản xuất: Bản chính hoặc bản sao y công chứng hoặc bản sao có xác nhận của nhà cung cấp hoặc bản điện tử kèm theo thông tin để kiểm chứng.

Предоставить сертификат качества (CQ/CQQ) производителя: оригинал, нотариально заверенную копию, копию, заверенную поставщиком, либо электронный документ с информацией для проверки.

- Đối với các nhóm II:

Для группы II:

- Cam kết về nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa của nhà cung cấp: Bản chính.
Обязательство поставщика относительно происхождения и качества товара: оригинал.
- Cung cấp chứng chỉ bảo hành của nhà cung cấp: Bản chính, đối với tất cả các nhóm.
Предоставить гарантийный сертификат поставщика: оригинал для всех групп.
- Cung cấp các giấy chứng nhận về tiêu chuẩn sản xuất mà thiết bị đạt được (nếu có): Bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của Nhà cung cấp
Предоставить сертификаты соответствия производственным стандартам, которым соответствует оборудование (при наличии): оригинал или копия, заверенная поставщиком.

10. YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG:

ТРЕБОВАНИЯ ПО ОХРАНЕ ТРУДА, ПРОИЗВОДСТВЕННОЙ САНИТАРИИ И ЭКОЛОГИЧЕСКОЙ БЕЗОПАСНОСТИ:

- Nhà thầu phải đảm bảo đầy đủ trang thiết bị lao động cho nhân viên khi tiến hành công việc, chịu trách nhiệm về an toàn cho các nhân viên khi thực hiện công việc và tuân thủ nội quy, quy định của TT Y tế cũng như tuân thủ các công tác an toàn của Vietsovpetro.
Подрядчик обязан обеспечить работников всеми необходимыми средствами и оборудованием для безопасного выполнения работ, нести ответственность за безопасность персонала и соблюдать внутренние правила и требования ЦМО, а также требования по безопасности «Вьетсовпетро».

11. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CÁC CHÀO HÀNG KỸ THUẬT МЕТОД ОЦЕНКИ ТЕХНИЧЕСКИХ ПРЕДЛОЖЕНИЙ

- Các chào hàng kỹ thuật sẽ được đánh giá theo từng nhóm, Bảng tiêu chí đánh giá kỹ thuật đính kèm.
Технические предложения оцениваются по каждой группе согласно прилагаемой таблице критериев технической оценки.

Những người soạn thảo:

Составители:

**Giám Đốc
Директор**

**P. Giám đốc
Зам. Директора**

_____ **Nguyễn Văn Hiệp**

_____ **Phạm Văn Bảy**

Khoa ĐY-PHCN-OXCA
Отделение НМ-Р-ГБО

CVC Phòng CUVTKT_BMĐH
Главный специалист

BP. VTTB
Начальника ОМТО

_____ **Ким Дональд**

_____ **Đặng Việt Phương**

_____ **Lê Văn Đảo**

_____ **Bùi Sơn Hải**

_____ **Vũ Đức Hải**